TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 8 - 2017
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phạm Công Gia.**
2. Ông **Nguyễn Trọng Lâm**.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017 về việc: "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2017/QĐST- HNGĐ ngày 12/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1984.
HKTT: Ấp 5, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện tại: 122, Khu phố 2, phường PK, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1983.
HKTT: 141, Ấp 6, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa có mặt chị N, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay ý kiến của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N:

Chị và anh Trần Minh T tự tìm hiểu yêu thương và kết hôn với nhau vào năm 2006. Hôn nhân của anh chị được Uỷ ban nhân dân xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/02/2006. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vì vậy, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Anh chị sống ly thân từ ngày 24/4/2006 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh T.

- Về con chung: Chị và anh T chưa có con chung và không yêu cầu Tòa án xém xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N kê khai chị và anh T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N kê khai chị và anh T không vay nợ ai và không ai vay nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng,nợ riêng: Chị N kê khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ N. Chị N được ly hôn với anh Trần Minh T.

+ Về con chung: Chị và anh T chưa có con chung và không yêu cầu Tòa án xém xét, giải quyết. Vì vậy, đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị N trình bày không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của anh T nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

+ Về nợ chung: Chị N trình bày không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của anh T nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

+ Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Mỹ N không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. **Về thẩm quyền giải quyết vụ án**:

Ngày 27/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ N về việc: " Ly hôn" đối với anh Trần Minh T – 1983, HKTT: 141, Ấp 6, xã Phú Lập, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[**2**]. **Về quan hệ pháp luật**:

Chị Nguyễn Thị Mỹ N kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn ".

[**3**]. **Về tư cách tham gia tố tụng**:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2017, chị Nguyễn Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh T. Căn cứ theo Khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị N là nguyên đơn, anh T là bị đơn trong vụ án.

[4]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Minh T là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa án làm việc, nhưng anh T vẫn vắng mặt nên không có lời khai của anh T và không thể tiến hành hòa giải theo quy định tại điều 54 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Trần Minh T.

[5]. Về nội dung vụ án:

Chị N, anh T tự nguyện kết hôn với vào năm 2006 và được Uỷ ban nhân dân xã Phú Lập, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/02/2006. Hôn nhân của chị N, anh T thực hiện đúng pháp luật vì vậy khi chị N có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, không đồng lòng, đồng sức để chăm lo cho gia đình. Nên trong cuộc sống chung thường xuyên căng thẳng, cãi vã, tình cảm vợ chồng từ đó dần phai nhạt. Nay tình cảm không còn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh T.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh T đến Tòa án để hòa giải nhưng anh T không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh T không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thì thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc cả hai đã sống ly thân nhau 10 năm nay, trong thời gian sống ly thân cả hai không qua lại, hàn gắn tình cảm.

Nay, xét thấy tình cảm với anh T không còn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Vì vậy, để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N là cho chị được ly hôn với anh Trần Minh T là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N khai báo chị và anh T chưa có con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị N khai báo không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì không có lời khai của anh T nên khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 68, 147, khoản 2 Điều 227, 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57 Luật Hôn nhân Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ N.

Chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn anh Trần Minh T.

2. Về con chung: Chị N khai báo chị và anh T chưa có con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

3.Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005713 ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú chuyển thành án phí.

Chị N, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Chị N được tính kể từ ngày tuyên án, anh T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND huyện Tân Phú;*
- *Uỷ ban nhân dân xã PL để ghi vào sổ hộ tịch (Theo GCNKH số 10, quyển số 01/2006);*
- *Chi cục THA huyện Tân Phú;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS – LT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thịnh